

GRI 205: Chống tham nhũng 2016

NGÀY HIỆU LỰC: NGÀY 1 THÁNG 7 NĂM 2018

TIÊU CHUẨN THEO CHỦ ĐỀ

205

GRI 205: Chống tham nhũng 2016

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Ngày Hiệu Lực

Tiêu chuẩn này có hiệu lực đối với báo cáo hoặc tài liệu khác được phát hành vào hoặc sau ngày 1 tháng 7 năm 2018.

Trách nhiệm

Tiêu chuẩn này được [Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu \(GSSB\)](#) ban hành. Vui lòng gửi mọi ý kiến phản hồi về Bộ Tiêu chuẩn GRI tới gssbsecretariat@globalreporting.org để GSSB xem xét.

Quy trình Hợp lệ

Tiêu chuẩn này được xây dựng vì lợi ích cộng đồng và phù hợp với các yêu cầu trong Quy trình Hợp lệ của GSSB. Tài liệu này được xây dựng dựa trên chuyên môn của nhiều bên liên quan, có tham khảo các văn kiện liên chính phủ có thẩm quyền và kỳ vọng phổ biến của các tổ chức về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế.

Trách Nhiệm Pháp Lý

Tài liệu này nhằm mục đích hỗ trợ việc báo cáo phát triển bền vững và đã được Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển Bền vững Toàn cầu (GSSB) xây dựng thông qua quy trình tham vấn đa bên độc đáo với sự tham gia của đại diện từ các tổ chức và người dùng thông tin báo cáo trên toàn thế giới. Trong khi Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý và GSSB khuyến khích mọi tổ chức sử dụng Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và các Diễn giải có liên quan, thì việc chuẩn bị và công bố các báo cáo dựa hoàn toàn hoặc một phần vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan hoàn toàn là trách nhiệm của người lập báo cáo. Hội đồng Giám sát GRI, Ban Quản lý, GSSB và tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting không chịu trách nhiệm về bất kỳ hậu quả hoặc thiệt hại nào phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan trong quá trình lập báo cáo hoặc việc sử dụng báo cáo dựa vào Bộ Tiêu chuẩn GRI và các Diễn giải có liên quan.

Thông báo về bản quyền và nhãn hiệu

Tài liệu này được tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting bảo vệ bản quyền. Được phép sao chép và phân phối tài liệu này để cung cấp thông tin và/hoặc sử dụng trong quá trình lập báo cáo phát triển bền vững mà không cần GRI cho phép trước khi thực hiện. Tuy nhiên, không được phép sao chép, lưu trữ, dịch hoặc chuyển giao tài liệu này hoặc bất kỳ trích đoạn nào từ tài liệu này dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào (điện tử, cơ học, photocopy, ghi âm hoặc cách khác) cho bất kỳ mục đích nào khác nếu không có văn bản cho phép của GRI trước khi thực hiện.

Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu, GRI và logo, GSSB và logo, cũng như Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI) và logo là các nhãn hiệu của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) Stichting

© 2026 GRI. Bảo lưu mọi quyền.

ISBN 978-90-8866-102-0

Mục lục

Giới thiệu	4
1. Công bố thông tin quản lý chủ đề	7
2. Công bố thông tin theo chủ đề	8
Công bố thông tin 205-1 Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	8
Công bố thông tin 205-2 Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	9
Công bố thông tin 205-3 Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp đã thực hiện	10
Thuật ngữ	11
Tài liệu tham khảo	15

Giới thiệu

GRI 205: Chống tham nhũng 2016 bao gồm các công bố thông tin để các tổ chức báo cáo về các tác động liên quan đến tham nhũng và cách quản lý những tác động này..

Tiêu chuẩn có cấu trúc như sau:

- **Phần 1** cách tổ chức quản lý các tác động liên quan đến tham nhũng.
- **Phần 2** bao gồm ba công bố thông tin cung cấp thông tin về các tác động liên quan đến tham nhũng.
- **Bảng thuật ngữ** bao gồm các thuật ngữ được định nghĩa với ý nghĩa cụ thể khi sử dụng trong Bộ Tiêu chuẩn GRI. Các thuật ngữ được gạch chân trong văn bản Bộ Tiêu chuẩn GRI và được liên kết đến định nghĩa
- **Tài liệu tham khảo** liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu cao và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này

Nội dung còn lại của phần Giới thiệu trình bày bối cảnh của chủ đề, tổng quan về hệ thống Bộ Tiêu chuẩn GRI và thông tin bổ sung về cách sử dụng Tiêu chuẩn này.

Bối cảnh của chủ đề

Tiêu chuẩn này đề cập đến chủ đề chống tham nhũng. Trong Tiêu chuẩn này, tham nhũng được hiểu là bao gồm các hành vi như hối lộ, các khoản thanh toán vận động hành lang, gian lận, hối lộ, câu kết và rửa tiền; đưa hoặc nhận bất kỳ quà tặng, khoản vay, phí, phần thưởng hoặc lợi thế nào khác để xui khiến làm điều gì đó không trung thực, bất hợp pháp hoặc thể hiện thiếu trách nhiệm.

Tham nhũng cũng có thể bao gồm những hành vi như biển thủ, lợi dụng quyền hạn để gây ảnh hưởng đến người khác nhằm trục lợi, lạm dụng chức vụ, làm giàu bất chính, che giấu, và cản trở công lý. Nói chung, tham nhũng gắn liền với các tác động tiêu cực, ví dụ như tình trạng đói nghèo của các nền kinh tế chuyển đổi, tổn hại đối với môi trường, lạm dụng quyền con người, lạm dụng dân chủ, phân bổ sai vốn đầu tư, và làm suy yếu pháp quyền. Tổ chức cần chứng minh việc tuân thủ tính liêm chính, các thông lệ quản trị và thực hành kinh doanh có trách nhiệm theo kỳ vọng của thị trường, quy chuẩn quốc tế và các bên liên quan.

Những khái niệm này được nêu trong các văn kiện chính của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế và Liên Hợp Quốc: xem phần [Tài liệu tham khảo](#).

Hệ thống của Bộ Tiêu chuẩn GRI

Tiêu chuẩn này là một phần của Bộ tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển Bền vững GRI (Bộ Tiêu chuẩn GRI). Bộ Tiêu chuẩn GRI cho phép tổ chức báo cáo thông tin về các tác động đáng kể nhất của tổ chức đối với nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả tác động đến quyền con người cũng như cách tổ chức quản lý những tác động này.

Bộ tiêu chuẩn GRI có cấu trúc như một hệ thống các tiêu chuẩn tương quan với nhau, được sắp xếp thành ba phần: Tiêu chuẩn GRI Tổng thể, Tiêu chuẩn GRI theo Ngành và Tiêu chuẩn GRI theo Chủ đề (xem [Hình 1](#) trong Tiêu chuẩn này).

Tiêu chuẩn Tổng thể: GRI 1, GRI 2 và GRI 3

GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021 nêu rõ các yêu cầu mà tổ chức phải tuân thủ để báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI. Tổ chức bắt đầu sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI bằng cách tham khảo **GRI 1**.

GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021 bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để cung cấp thông tin về hoạt động báo cáo và các thông tin chi tiết khác của tổ chức, chẳng hạn như về hoạt động vận hành, công tác quản trị và các chính sách.

GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021 đưa ra hướng dẫn về cách xác định các chủ đề trọng yếu. Trong đó bao gồm cả các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về quy trình xác định các chủ đề trọng yếu, danh sách các chủ đề trọng yếu và cách tổ chức quản lý từng chủ đề.

Tiêu chuẩn theo Ngành

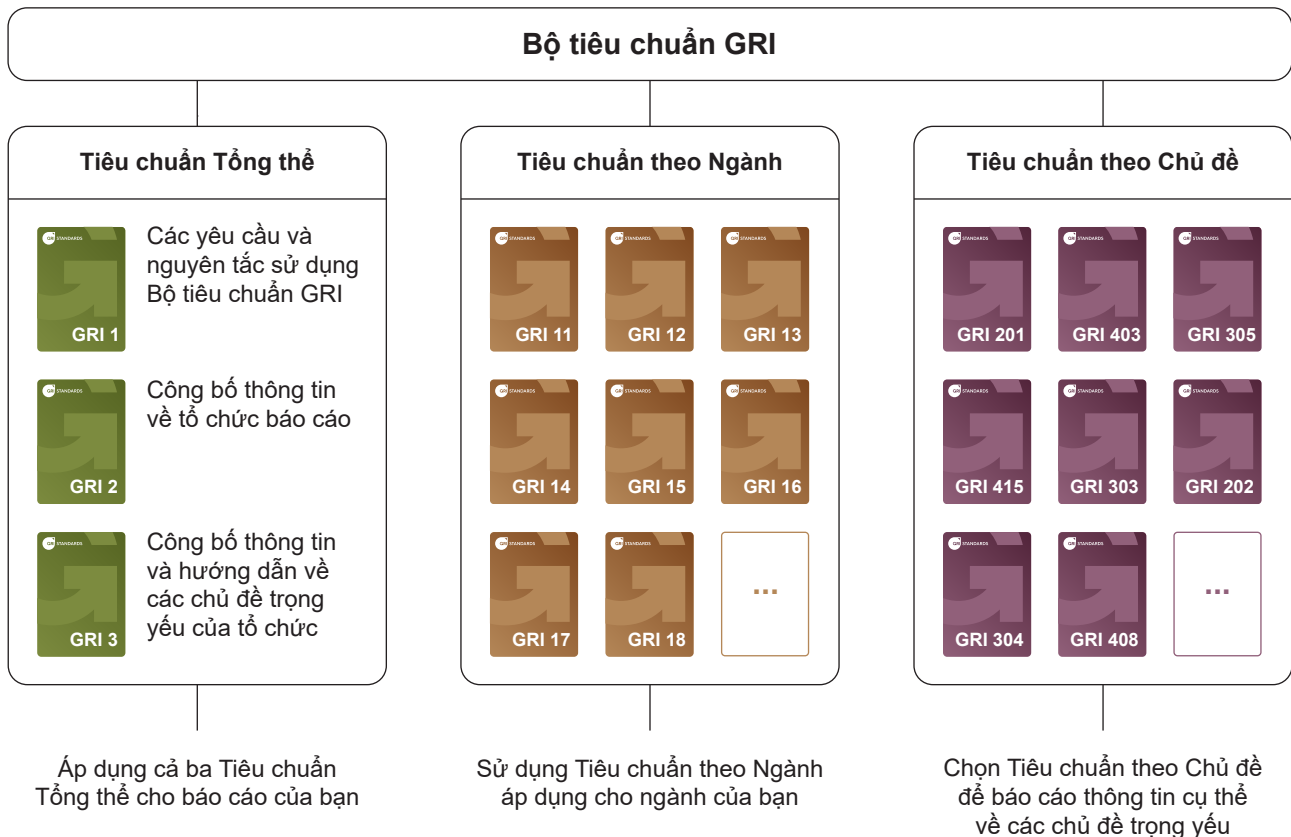
Tiêu chuẩn theo Ngành cung cấp các thông tin cho tổ chức về những chủ đề có khả năng là trọng yếu đối với họ. Tổ

chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Ngành áp dụng cho các lĩnh vực của mình khi xác định các chủ đề trọng yếu và khi xác định nội dung báo cáo cho từng chủ đề trọng yếu.

Tiêu chuẩn theo Chủ đề

Tiêu chuẩn theo Chủ đề bao gồm các công bố thông tin mà tổ chức sử dụng để báo cáo thông tin về các tác động của mình liên quan đến các chủ đề cụ thể. Tổ chức sử dụng Tiêu chuẩn theo Chủ đề theo danh sách các chủ đề trọng yếu đã xác định thông qua *GRI 3*.

Hình 1. Bộ tiêu chuẩn GRI: Tiêu chuẩn Tổng thể, Tiêu chuẩn theo Ngành và Tiêu chuẩn theo Chủ đề



Sử dụng Tiêu chuẩn này

Tiêu chuẩn này có thể được sử dụng bởi bất kỳ tổ chức nào – bất kể quy mô, loại hình, ngành nghề, vị trí địa lý hoặc kinh nghiệm báo cáo – để công bố thông tin về các tác động liên quan đến tham nhũng của tổ chức đó.

Tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo các công bố thông tin sau nếu đã xác định tham nhũng là một chủ đề trọng yếu:

- Công bố thông tin 3-3 trong *GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021* (xem điều khoản 1.1 trong Tiêu chuẩn này);
- Bất kỳ công bố thông tin nào thuộc Tiêu chuẩn theo Chủ đề này về các tác động liên quan đến tham nhũng của tổ chức (Công bố thông tin 205-1 đến Công bố thông tin 205-3)

Xem *Các yêu cầu 4 và 5 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021*.

Có thể đưa ra lý do để lược bỏ những công bố thông tin này.

Nếu không thể tuân thủ việc công bố thông tin hoặc yêu cầu trong việc công bố thông tin (ví dụ: vì thông tin cần công bố là thông tin bảo mật hoặc bị pháp luật cấm), tổ chức phải nêu rõ mục công bố thông tin hoặc yêu cầu mà tổ chức không thể tuân thủ và đưa ra lý do lược bỏ kèm theo lời giải thích trong chỉ mục nội dung GRI. Xem *Yêu cầu 6 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021* để biết thêm thông tin về lý do lược bỏ.

Nếu không thể báo cáo thông tin bắt buộc về một mục được chỉ định trong công bố thông tin vì mục đó (ví dụ: ủy ban, chính sách, thông lệ, quy trình) không tồn tại, tổ chức có thể tuân thủ yêu cầu bằng cách báo cáo tình huống thực tế đó. Tổ chức có thể giải thích lý do không có mục này hoặc trình bày bất kỳ kế hoạch nào để phát triển mục này. Việc công bố thông tin không yêu cầu tổ chức phải thực hiện mục đó (ví dụ: xây dựng chính sách) nhưng phải báo cáo mục đó không tồn tại.

Nếu có ý định công bố báo cáo phát triển bền vững độc lập, tổ chức không cần lặp lại thông tin đã công bố ở nơi khác, chẳng hạn như trên các trang web hoặc trong báo cáo thường niên. Trong trường hợp đó, tổ chức có thể báo cáo nội dung công bố thông tin bắt buộc bằng cách cung cấp tham chiếu trong chỉ mục nội dung GRI đến nơi có thể tìm thấy thông tin này (ví dụ: bằng cách cung cấp liên kết đến trang web hoặc trích dẫn trang trong báo cáo thường niên nơi thông tin đã được công bố).

Các yêu cầu, hướng dẫn và các thuật ngữ được định nghĩa

Những nội dung sau đây được áp dụng trong toàn bộ Tiêu chuẩn này:

Các yêu cầu bắt buộc được trình bày bằng phông **chữ in đậm** và được biểu thị bằng từ “cần phải”. Tổ chức phải tuân thủ các yêu cầu báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Yêu cầu bắt buộc có thể kèm theo hướng dẫn.

Hướng dẫn bao gồm thông tin bối cảnh, giải thích và ví dụ để giúp tổ chức hiểu rõ hơn về các yêu cầu.

Tổ chức không bắt buộc phải tuân thủ hướng dẫn. Tiêu chuẩn cũng có thể bao gồm các khuyến nghị. Đây là những tình huống trong đó một hành động cụ thể được khuyến khích nhưng không bắt buộc phải thực hiện.

Từ “nên” biểu thị khuyến nghị, còn từ “có thể” biểu thị khả năng hoặc lựa chọn.

Các thuật ngữ được định nghĩa sẽ được gạch chân trong văn bản Bộ tiêu chuẩn GRI và được liên kết với định nghĩa tương ứng trong [Bảng thuật ngữ](#). Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa trong Bảng thuật ngữ.

1. Công bố thông tin quản lý chủ đề

Tổ chức báo cáo theo Bộ Tiêu chuẩn GRI phải báo cáo cách thức quản lý từng chủ đề trọng yếu của tổ chức đó.

Tổ chức xác định tham nhũng là chủ đề trọng yếu phải báo cáo cách thức quản lý chủ đề này theo [Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) (xem điều khoản 1.1 trong phần này).

Do đó, phần này được soạn thảo để bổ sung nhưng không thay thế [Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3](#).

YÊU CẦU	1.1	Tổ chức báo cáo cần phải báo cáo cách thức quản lý chống tham nhũng theo Công bố thông tin 3-3 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021.
KHUYẾN NGHỊ	1.2	Tổ chức báo cáo nên công bố những thông tin sau đây: 1.2.1 Quy trình của tổ chức để đánh giá rủi ro phát sinh <u>tham nhũng</u>, bao gồm các tiêu chí được sử dụng để đánh giá rủi ro, như địa điểm, hoạt động và ngành; 1.2.2 Cách thức tổ chức xác định và quản lý các <u>xung đột lợi ích</u> mà <u>nhân viên</u> hoặc những người liên quan đến các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức có thể có. Các xung đột lợi ích đối với cơ quan quản trị cao nhất được nêu trong Công bố thông tin 2-15 của GRI 2: Công bố thông tin Chung 2021; 1.2.3 Cách thức tổ chức đảm bảo các khoản quyên tặng từ thiện và tài trợ (tài chính và bằng hiện vật) cho các tổ chức khác không được sử dụng như một hình thức hối lộ có nguy cơ. Đối tượng nhận các khoản quyên tặng từ thiện và tài trợ (tài chính và bằng hiện vật) có thể bao gồm các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức tôn giáo, tổ chức tư nhân và các sự kiện; 1.2.4 Nội dung truyền thông và đào tạo về chống tham nhũng được điều chỉnh cho phù hợp với các thành viên cấp quản trị, nhân viên, đối tác kinh doanh và những người khác được xác định là có rủi ro cao về phát sinh tham nhũng; 1.2.5 Cần báo cáo về thời điểm tổ chức đào tạo về chống tham nhũng cho các thành viên cấp quản trị, nhân viên, các đối tác kinh doanh và những người khác được xác định là có rủi ro cao về phát sinh tham nhũng (ví dụ: khi nhân viên mới gia nhập tổ chức hoặc khi thiết lập mối quan hệ với các đối tác kinh doanh mới); và tần suất đào tạo (ví dụ: hàng năm hoặc hai lần một năm); 1.2.6 Tổ chức có tham gia <u>hành động tập thể để chống tham nhũng</u> hay không, bao gồm: 1.2.6.1 chiến lược dành cho các hành động tập thể; 1.2.6.2 danh sách các sáng kiến hành động tập thể mà tổ chức tham gia; 1.2.6.3 nội dung trình bày các cam kết chính của các sáng kiến này.
HƯỚNG DẪN		Hướng dẫn cho điều khoản 1.2.4 và 1.2.5 Trong ngữ cảnh của Bộ Tiêu chuẩn GRI này, thuật ngữ “đối tác kinh doanh” bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở nhà cung cấp, đại lý, người vận động hành lang và các bên trung gian khác, đối tác liên doanh và liên minh, chính phủ, khách hàng và khách giao dịch.

2. Công bố thông tin theo chủ đề

Công bố thông tin 205-1 Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. Tổng số và tỷ lệ phần trăm các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng.
- b. Những rủi ro trọng yếu liên quan đến tham nhũng được xác định thông qua đánh giá rủi ro.

HƯỚNG DẪN**Hướng dẫn Công bố thông tin 205-1**

Công bố thông tin này có thể bao gồm đánh giá rủi ro tập trung vào tham nhũng hoặc trình bày về tham nhũng như một yếu tố rủi ro trong đánh giá rủi ro tổng thể.

Thuật ngữ “cơ sở hoạt động” nghĩa là địa điểm mà tổ chức sử dụng để sản xuất, lưu giữ và/hoặc phân phối hàng hóa và dịch vụ của mình, hoặc phục vụ mục đích hành chính. Tại một cơ sở hoạt động, có thể có nhiều dây chuyền sản xuất, nhà kho hoặc các hoạt động khác. Ví dụ: một nhà máy có thể được sử dụng để sản xuất nhiều loại sản phẩm hoặc một đại lý bán lẻ có thể có một vài cơ sở hoạt động bán lẻ khác nhau do tổ chức sở hữu hoặc quản lý.

BÓI CẢNH

Công bố thông tin này đo lường mức độ triển khai đánh giá rủi ro trong toàn tổ chức. Đánh giá rủi ro có thể giúp xác định nguy cơ xảy ra các vụ việc tham nhũng bên trong tổ chức và liên quan đến tổ chức, đồng thời giúp tổ chức xây dựng chính sách và quy trình để phòng chống tham nhũng.

Công bố thông tin 205-2 Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. Tổng số lượng và tỷ lệ phần trăm các thành viên cấp quản trị được truyền đạt về các chính sách và quy trình chống tham nhũng của tổ chức, chi tiết theo vùng.
- b. Tổng số lượng và tỷ lệ phần trăm nhân viên được truyền đạt về các chính sách và quy trình chống tham nhũng, chi tiết theo phân loại nhân viên và vùng.
- c. Tổng số lượng và tỷ lệ phần trăm các đối tác kinh doanh được truyền đạt về các chính sách và quy trình chống tham nhũng của tổ chức, chi tiết theo loại đối tác kinh doanh và vùng. Báo cáo liệu các chính sách và quy trình chống tham nhũng của tổ chức có được truyền đạt cho bất kỳ người hoặc tổ chức nào khác hay không.
- d. Tổng số lượng và tỷ lệ phần trăm thành viên cấp quản trị đã được đào tạo về chống tham nhũng, chi tiết theo vùng.
- e. Tổng số lượng và tỷ lệ phần trăm nhân viên đã được đào tạo về chống tham nhũng, chi tiết theo phân loại nhân viên và vùng.

KHUYẾN NGHỊ

2.1 Khi biên soạn thông tin nêu trong Công bố thông tin 205-2, tổ chức báo cáo nên:

- 2.1.1 dựa trên thông tin sử dụng trong [Công bố thông tin 405-1 trong GRI 405: Sự đa dạng và Cơ hội bình đẳng 2016](#) để xác định:
 - 2.1.1.1 cơ quan quản trị hiện có trong tổ chức, như hội đồng quản trị, ban giám đốc, hoặc cơ quan tương tự tại các tổ chức không phải doanh nghiệp;
 - 2.1.1.2 tổng số cá nhân và/hoặc nhân viên là thành viên trong các cơ quan quản trị này;
 - 2.1.1.3 tổng số nhân viên theo từng phân loại nhân viên, không bao gồm các thành viên cấp quản trị;
- 2.1.2 ước tính tổng số đối tác kinh doanh.

HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 205-2

Trong ngữ cảnh của Bộ Tiêu chuẩn GRI này, thuật ngữ “đối tác kinh doanh” bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở nhà cung cấp, đại lý, người vận động hành lang và các bên trung gian khác, các đối tác liên doanh và liên minh, chính phủ, khách hàng và khách giao dịch.

Bối cảnh

Việc truyền đạt và đào tạo giúp xây dựng nhận thức trong nội bộ và bên ngoài, cũng như năng lực cần thiết để phòng chống tham nhũng.

Công bố thông tin 205-3 Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận và các biện pháp đã thực hiện

YÊU CẦU

Tổ chức báo cáo cần phải cung cấp những thông tin sau đây:

- a. Tổng số và tính chất của các vụ việc tham nhũng đã xác nhận.
- b. Tổng số các vụ việc đã xác nhận trong đó nhân viên đã bị sa thải hoặc bị kỷ luật do tham nhũng.
- c. Tổng số các vụ việc đã xác nhận trong đó chấm dứt hoặc không gia hạn hợp đồng với đối tác kinh doanh do các vi phạm liên quan đến tham nhũng.
- d. Các vụ kiện công khai trong đó tổ chức hoặc nhân viên của tổ chức bị cáo buộc tham nhũng xảy ra trong kỳ báo cáo và kết quả của các vụ kiện đó.

HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 205-3

Các bên liên quan quan tâm đến cả việc xảy ra vụ việc và cách thức tổ chức xử lý vụ việc. Các vụ kiện công khai về tham nhũng có thể bao gồm các cuộc điều tra công khai, các trường hợp khởi tố đang diễn ra, hoặc các vụ kiện đã kết thúc.

Hướng dẫn cho Công bố thông tin 205-3-c

Trong ngữ cảnh của Bộ Tiêu chuẩn GRI này, thuật ngữ “đối tác kinh doanh” bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở nhà cung cấp, đại lý, người vận động hành lang và các bên trung gian khác, các đối tác liên doanh và liên minh, chính phủ, khách hàng và khách giao dịch.

Thuật ngữ

Bảng thuật ngữ này trình bày định nghĩa của các thuật ngữ được sử dụng trong Tiêu chuẩn này. Tổ chức phải áp dụng những định nghĩa này khi sử dụng Bộ Tiêu chuẩn GRI.

Các định nghĩa trong danh mục thuật ngữ này có thể chứa các thuật ngữ được định nghĩa chi tiết hơn trong [Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI](#). Tất cả các thuật ngữ có định nghĩa đều được gạch chân. Trường hợp một thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Bảng Thuật ngữ này hoặc trong Bảng Thuật ngữ đầy đủ của Bộ Tiêu chuẩn GRI, các định nghĩa được sử dụng và hiểu phổ biến sẽ được áp dụng.

B

bên liên quan (stakeholder)

cá nhân hoặc nhóm có lợi ích bị ảnh hưởng hoặc có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Hướng dẫn *Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi

Ví dụ: đối tác kinh doanh, tổ chức xã hội dân sự, người tiêu dùng, khách hàng, nhân viên và người lao động khác, chính phủ, cộng đồng địa phương, tổ chức phi chính phủ, cổ đông và nhà đầu tư khác, nhà cung cấp, công đoàn, nhóm dễ bị tổn thương

Lưu ý: Hãy xem [mục 2.4 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin về “bên liên quan”.

C

chủ đề trọng yếu (material topics)

Các chủ đề phản ánh những tác động đáng kể nhất của tổ chức đến kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả các tác động đến quyền con người của họ

Lưu ý: Hãy xem [mục 2.2 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) và [phần 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) để biết thêm thông tin về “chủ đề trọng yếu”.

chuỗi cung ứng (supply chain)

phạm vi hoạt động được thực hiện bởi các thực thể thượng nguồn của tổ chức, cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

chuỗi giá trị (value chain)

phạm vi các hoạt động do tổ chức cũng như các thực thể thượng nguồn và hạ nguồn của tổ chức thực hiện, để đưa các sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức từ khi hình thành ý tưởng đến giai đoạn sử dụng cuối cùng

cộng đồng địa phương (local community)

những người hoặc nhóm người sống hoặc làm việc trong bất kỳ khu vực nào bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của tổ chức

Lưu ý: cộng đồng địa phương có thể bao gồm cả những người sống bên cạnh và những người sống xa nơi hoạt động của tổ chức.

đối tác kinh doanh (business partner)

thực thể mà tổ chức có một số hình thức hợp tác trực tiếp và chính thức nhằm mục đích đạt được các mục tiêu kinh doanh của mình

Nguồn: Shift và Mazars LLP, *Khung Báo cáo theo Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp quốc*, 2015; đã sửa đổi

Ví dụ: các đơn vị liên kết khách hàng doanh nghiệp, khách hàng, nhà cung cấp cấp một, đơn vị nhượng quyền, đối tác liên doanh, và các công ty đầu tư mà tổ chức có cổ phần

Lưu ý: Đối tác kinh doanh không bao gồm các công ty con và đơn vị liên kết mà tổ chức kiểm soát.

H**hành động tập thể chống tham nhũng (collective action to combat corruption)**

sự tham gia tự nguyện vào các sáng kiến và với các bên liên quan để cải thiện văn hóa và môi trường hoạt động rộng hơn, nhằm chống tham nhũng

Ví dụ: Hợp tác chủ động với các tổ chức xã hội dân sự, cơ quan chính phủ và khu vực công, các tổ chức cùng ngành, và tổ chức công đoàn.

K**kỳ báo cáo (reporting period)**

khoảng thời gian cụ thể mà các thông tin trong báo cáo đề cập đến

Ví dụ: năm tài chính, năm dương lịch

M**mức độ nghiêm trọng (của một tác động) (severity (of an impact))**

Mức độ nghiêm trọng của một tác động tiêu cực thực tế hoặc tiềm ẩn được xác định dựa trên quy mô (mức độ trầm trọng của tác động), phạm vi (mức độ lan rộng của tác động) và tính không thể khắc phục (mức độ khó khăn trong việc khắc phục hoặc bù đắp thiệt hại do tác động gây ra).

Nguồn: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thẩm định về Hành vi Kinh doanh có Trách nhiệm của OECD*, 2018; đã sửa đổi
Liên hợp quốc (LHQ), *Trách nhiệm Tôn trọng Quyền Con người của Doanh nghiệp: Hướng dẫn Diễn giải*, 2012; đã sửa đổi

Lưu ý: Hãy xem [mục 1 trong GRI 3: Chủ đề Trọng yếu 2021](#) để biết thêm thông tin về “mức độ nghiêm trọng”.

N**Người Bản địa (Indigenous Peoples)**

Người Bản địa thường được xác định là:

- người thuộc dân tộc thiểu số ở các quốc gia độc lập mà tình trạng kinh tế, văn hóa và xã hội của họ làm cho họ khác biệt với các bộ phận khác của cộng đồng quốc gia, và tình trạng của họ được quy định toàn bộ hoặc một phần bởi các tập quán hoặc truyền thống riêng của họ hoặc bởi các quy định hay luật đặc biệt;
- người ở các quốc gia độc lập được coi là người bản địa do xuất thân từ các quần thể sinh sống ở quốc gia hoặc khu vực địa lý thuộc quốc gia đó, tại thời điểm bị xâm lược hoặc thực dân hóa hoặc hình thành biên giới quốc gia hiện nay và là những người, bất kể tình trạng pháp lý, vẫn duy trì một số hoặc tất cả các hình thái tổ chức xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị riêng.

Nguồn: Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Công ước về các Dân tộc và Bộ lạc Bản địa, 1989 (Số 169)

người lao động (worker)

người thực hiện công việc cho tổ chức

Ví dụ: nhân viên, nhân viên đại lý, người học nghề, nhà thầu, người lao động làm việc tại nhà, thực tập sinh, người tự kinh doanh, nhà thầu phụ, tình nguyện viên và những người làm việc cho các tổ chức không phải là tổ chức báo cáo, ví dụ như làm việc cho nhà cung cấp

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, một số trường hợp sẽ quy định rõ có cần sử dụng một nhóm người lao động cụ thể hay không.

nhà cung cấp (supplier)

thực thể thượng nguồn của tổ chức (tức là trong chuỗi cung ứng của tổ chức), cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ được sử dụng trong quá trình phát triển các sản phẩm hoặc dịch vụ của chính tổ chức

Ví dụ: nhà môi giới, nhà tư vấn, nhà thầu, nhà phân phối, bên nhận nhượng quyền thương mại, người lao động làm việc tại nhà, nhà thầu độc lập, người được cấp phép, nhà sản xuất, nhà sản xuất nguyên liệu thô, nhà thầu phụ, đại lý bán buôn

Lưu ý: Nhà cung cấp có thể có quan hệ kinh doanh trực tiếp với tổ chức (thường được gọi là nhà cung cấp cấp một) hoặc quan hệ kinh doanh gián tiếp.

nhân viên (employee)

cá nhân có mối quan hệ việc làm với tổ chức, theo thông lệ hoặc luật pháp quốc gia

nhóm dễ bị tổn thương (vulnerable group)

nhóm những người có điều kiện hoặc đặc điểm cụ thể (ví dụ: kinh tế, thể chất, chính trị, xã hội) có thể phải chịu tác động tiêu cực do các hoạt động của tổ chức ở mức độ nghiêm trọng hơn so với dân số nói chung

Ví dụ: trẻ em và thanh thiếu niên; người cao tuổi; cựu chiến binh; hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; người bảo vệ quyền con người; Người Bản địa; người buộc phải di cư trong nước; người lao động di cư và gia đình của họ; các nhóm thiểu số theo quốc gia hoặc dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; những người có thể bị phân biệt đối xử dựa vào khuynh hướng tính dục, bản dạng giới, biểu hiện giới hoặc đặc điểm giới tính của họ (ví dụ: người đồng tính nữ, đồng tính nam, song tính, chuyển giới, liên giới tính); người khuyết tật; người tị nạn hoặc người tị nạn hồi hương; phụ nữ

Lưu ý: Tính chất dễ bị tổn thương và các tác động có thể khác nhau theo giới tính.

P**phân loại nhân viên (employee category)**

phân chia nhân viên theo cấp bậc (như quản lý cấp cao, quản lý cấp trung) và chức năng công việc (như kỹ thuật, hành chính, sản xuất)

Lưu ý: Thông tin này lấy từ hệ thống nhân sự của chính tổ chức.

phát triển bền vững/tính bền vững (sustainable development / sustainability)

sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai

Nguồn: Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển, *Tương lai Chung của Chúng ta*, 1987

Lưu ý: Trong Tiêu chuẩn GRI, thuật ngữ “tính bền vững” và “phát triển bền vững” được dùng thay thế cho nhau.

Q**quan hệ kinh doanh (business relationships)**

mối quan hệ giữa tổ chức với các đối tác kinh doanh, với các thực thể trong chuỗi giá trị của mình bao gồm cả những thực thể ngoài các nhà cung cấp cấp một và với bất kỳ thực thể nào khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của tổ chức

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Ví dụ về các bên khác có liên quan trực tiếp đến hoạt động, sản phẩm, hoặc dịch vụ của tổ chức bao gồm: một tổ chức phi chính phủ mà tổ chức phối hợp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương hoặc các lực lượng an ninh nhà nước thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vật chất của tổ chức.

quyền con người (human rights)

các quyền vốn có của tất cả con người, trong đó tối thiểu bao gồm các quyền được nêu trong *Tuyên ngôn Quốc tế về Quyền Con người của Liên hợp quốc (UN)* và các nguyên tắc liên quan đến các quyền cơ bản được nêu trong *Tuyên bố về các Nguyên tắc và Quyền Cơ bản tại Nơi làm việc của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)*

Nguồn: Liên hợp quốc (UN), *Nguyên tắc Hướng dẫn về Kinh doanh và Quyền Con người: Thực hiện Khung “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của Liên hợp quốc*, 2011; đã sửa đổi

Lưu ý: Xem [Hướng dẫn 2-23-b-i trong GRI 2: Công bố Chung 2021](#) để biết thêm thông tin về “quyền con người”.

T**tác động (impact)**

ảnh hưởng đã có hoặc có thể có của một tổ chức đối với kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả nhân quyền của họ; các tác động này phản ánh mức độ đóng góp (tích cực hoặc tiêu cực) của tổ chức đối với phát triển bền vững

Lưu ý 1: Tác động có thể là tác động đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, tích cực hoặc tiêu cực, ngắn

hạn hoặc dài hạn, có chủ định hoặc không chủ định và có thể đảo ngược hoặc không thể đảo ngược.

Lưu ý 2: Hãy xem [mục 2.1 trong GRI 1: Tiêu chuẩn cơ sở 2021](#) để biết thêm thông tin về “tác động”.

tham nhũng (corruption)

“hành vi lạm dụng quyền lực được giao để thu lợi cá nhân”, có thể do cá nhân hoặc tổ chức thực hiện

Nguồn: Tổ chức Minh bạch Quốc tế, Nguyên tắc Kinh doanh Chống Hối lộ, 2011

Lưu ý: Tham nhũng bao gồm cả các hành vi như hối lộ, trả tiền bôi trơn, gian lận, tổng tiền, câu kết và rửa tiền. Tham nhũng còn bao gồm cả hành vi đưa hoặc nhận bất kỳ món quà, khoản vay, phí, phần thưởng hoặc lợi thế nào khác cho hoặc từ bất kỳ người nào để xui khiến người đó thực hiện hành vi không trung thực, bất hợp pháp hoặc vi phạm lòng tin trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này có thể bao gồm tiền mặt hoặc lợi ích bằng hiện vật, chẳng hạn như hàng hóa, quà tặng và các kỳ nghỉ miễn phí hoặc các dịch vụ cá nhân đặc biệt được cung cấp để đạt được lợi thế không chính đáng hoặc có thể gây ra áp lực tinh thần để nhận được lợi thế như vậy.

trẻ em (child)

người dưới 15 tuổi hoặc dưới độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc, tùy theo mức nào cao hơn

Lưu ý 1: Có thể có ngoại lệ ở một số nước có nền kinh tế và cơ sở giáo dục chưa hoàn thiện và có thể áp dụng độ tuổi tối thiểu là 14. Những quốc gia ngoại lệ này được Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) xác định, dựa trên đơn đề nghị đặc biệt của quốc gia có liên quan và sau khi tham vấn ý kiến của các tổ chức đại diện cho người sử dụng lao động và người lao động.

Lưu ý 2: *Công ước về Tuổi Lao động Tối thiểu của ILO*, 1973 (Số 138), đề cập đến cả lao động trẻ em và người lao động vị thành niên.

V

vụ việc tham nhũng đã xác nhận (confirmed incident of corruption)

vụ việc tham nhũng có bằng chứng xác đáng

Lưu ý: Các vụ việc tham nhũng đã xác nhận không bao gồm những vụ việc tham nhũng vẫn đang trong quá trình điều tra trong kỳ báo cáo.

X

xung đột lợi ích (conflict of interest)

tình huống trong đó một người phải đối mặt với việc lựa chọn giữa các yêu cầu công việc của mình trong tổ chức và các lợi ích hoặc trách nhiệm cá nhân hoặc nghề nghiệp khác của người đó

Tài liệu tham khảo

Phần này liệt kê các văn kiện liên chính phủ có giá trị tham chiếu và các tài liệu tham khảo khác được sử dụng trong quá trình xây dựng Tiêu chuẩn này, cũng như các tài nguyên mà tổ chức có thể tham khảo.

Các văn kiện có giá trị tham chiếu:

1. Công ước của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), “Công ước về Phòng chống Hối lộ Quan chức Nước ngoài trong các Giao dịch Kinh doanh Quốc tế”, 1997.
2. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn Thông lệ Tốt về Kiểm soát Nội bộ, Đạo đức và Tuân thủ*, năm 2010.
3. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), *Hướng dẫn của OECD cho các Doanh nghiệp Đa quốc gia*, năm 2011.
4. Công ước của Liên Hợp Quốc (UN), “Công ước Phòng, chống Tham nhũng”, 2003.

Các tài liệu tham khảo bổ sung:

5. Bộ Tư pháp Anh, *Hướng dẫn về Đạo luật Phòng chống Hối lộ năm 2010*, năm 2011.
6. Phòng Hình sự của Bộ Tư pháp Hoa Kỳ và Phòng Hành pháp của Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Hoa Kỳ, *Hướng dẫn về Đạo luật Phòng chống Tham nhũng ở Nước ngoài của Hoa Kỳ*, năm 2012.
7. Tổ chức Minh bạch Quốc tế, “Nguyên tắc Kinh doanh Chống Hối lộ”, 2011.
8. Tổ chức Minh bạch Quốc tế, Chỉ số Nhận thức Tham nhũng, <http://www.transparency.org/research/cpi/overview>, truy cập ngày 1 tháng 9 năm 2016.
9. Công ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc và Tổ chức Minh bạch Quốc tế, *Hướng dẫn Báo cáo về Nguyên tắc Phòng chống Tham nhũng thứ 10*, năm 2009.
10. Ngân hàng Thế giới, Chỉ số Quản trị Toàn cầu (WGI), Kiểm soát Tham nhũng, <http://info.worldbank.org/governance/wgi/index.aspx#home>, truy cập ngày 1 tháng 9 năm 2016.



PO Box 10039
1001 EA Amsterdam
The Netherlands

www.globalreporting.org